

BỘ Y TẾ**BỘ Y TẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2012/TT-BYT

*Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2012***THÔNG TƯ****Danh mục vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm theo nhóm nguy cơ và cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm**

Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 92/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế dự phòng, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành "Danh mục vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm theo nhóm nguy cơ và cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm" như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

1. Danh mục vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm theo nhóm nguy cơ;
2. Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2012.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng) để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Long

**DANH MỤC VI SINH VẬT GÂY BỆNH TRUYỀN NHIỄM THEO NHÓM NGUY CƠ
VÀ CẤP ĐỘ AN TOÀN SINH HỌC PHÙ HỢP KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2012)

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
A. VIRUS và PRION			
<i>Adenoviridae</i>			
<i>Mastadenovirus</i>			
Human Adenovirus A, B, C, D, E, F, G	2	Cấp II	
<i>Anelloviridae</i>			
<i>Alphatorquevirus</i>			
Transfusion Transmitted Virus (Torque teno virus_TTV)	2	Cấp II	
<i>Arenaviridae</i>			
<i>Arenavirus</i>			
Guanarito virus	4	Cấp IV	
Junin virus	4	Cấp IV	
Lassa virus	4	Cấp IV	
Lymphocytic choriomeningitis (neurotrophic) virus	3	Cấp III	
Lymphocytic choriomeningitis (non-neurotrophic) virus	2	Cấp II	Cấp III: Thí nghiệm trên động vật

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
Machupo virus	4	Cấp IV	
Sabia Virus	4	Cấp IV	
Tacaribe virus	2	Cấp II	
<i>Astroviridae</i>			
<i>Mamastrovirus</i>			
Human astrovirus	2	Cấp II	
<i>Bornaviridae</i>			
<i>Bornavirus</i>			
Borna disease virus	2	Cấp II	
<i>Bunyaviridae</i>			
<i>Hantavirus</i>			
Hantaan virus	3	Cấp II	Cấp III: Nuôi cấy, phân lập
<i>Nairovirus</i>			
Crimean-Congo hemorrhagic fever virus	4	Cấp IV	
<i>Orthobunyavirus</i>			
Bunyamwera virus	2	Cấp II	
California encephalitis virus	2	Cấp II	
<i>Phlebovirus</i>			
Rift Valley fever virus (Zinga virus)	3	Cấp II	Cấp III: Nuôi cấy, phân lập

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Caliciviridae</i>			
<i>Norovirus</i>			
Norovirus	2	Cấp II	
<i>Sapovirus</i>			
Sapovirus	2	Cấp II	
<i>Coronaviridae</i>			
<i>Coronavirus</i>			
Human coronavirus 229E	2	Cấp II	
Human coronavirus NL63	2	Cấp II	
Human coronavirus OC43	2	Cấp II	
Severe acute respiratory syndrome coronavirus (SARS coronavirus)	3	Cấp III	
<i>Filoviridae</i>			
<i>Ebolavirus</i>			
Reston ebolavirus	4	Cấp III	Cấp IV: Nuôi cấy, phân lập
Sudan ebolavirus	4	Cấp III	Cấp IV: Nuôi cấy, phân lập
Zaire ebolavirus	4	Cấp III	Cấp IV: Nuôi cấy, phân lập

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Marburgvirus</i>			
Lake Victoria Marburgvirus	4	Cấp IV	
<i>Flaviviridae</i>			
<i>Flavivirus</i>			
Dengue virus	2	Cấp II	
Japanese encephalitis virus	2	Cấp II	
Kyasanur Forest disease virus	3	Cấp III	
Louping ill virus	3	Cấp III	
Murray Valley encephalitis virus	3	Cấp III	
Powassan virus	3	Cấp III	
St. Louis encephalitis virus	3	Cấp III	
Tick-borne encephalitis virus	3	Cấp III	
West Nile virus	3	Cấp III	
Yellow fever virus (chủng vaccine 17D)	2	Cấp II	
Yellow fever virus (chủng hoang dại)	3	Cấp III	
<i>Hepacivirus</i>			
Hepatitis C virus	2	Cấp II	
<i>Hepadnaviridae</i>			
<i>Orthohepadnavirus</i>			
Hepatitis B virus	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Hepeviridae</i>			
<i>Hepevirus</i>			
Hepatitis E virus	2	Cấp II	
<i>Herpesviridae</i>			
<i>Cytomegalovirus</i>			
Human Herpesvirus (HHV-5)	2	Cấp II	
<i>Lymphocryptovirus</i>			
Epstein-Barr virus (EBV)	2	Cấp II	
<i>Simplexvirus</i>			
Cercopithecine herpesvirus 2	3	Cấp III	
Human Herpes simplex viruses type 1, 2 (HSV-1, HSV-2)	2	Cấp II	
<i>Varicellovirus</i>			
Varicella - Zoster Virus	2	Cấp II	
<i>Orthomyxoviridae</i>			
<i>Influenzavirus A</i>			
Influenza A virus (H5, H7)	3	Cấp II: Sinh học phân tử, xét nghiệm với vi rút đã bất hoạt	Cấp III: Phân lập, xét nghiệm với vi rút chưa bất hoạt
Influenza A virus	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Influenzavirus B</i>			
Influenza B virus	2	Cấp II	
<i>Influenzavirus C</i>	2	Cấp II	
<i>Papillomaviridae</i>			
<i>Alphapapilomavirus</i>			
Humanpapilloma virus (2, 6, 7, 10, 16, 18, 26, 32, 34, 53, 54, 61, 71)	2	Cấp II	
<i>Betapapilomavirus</i>			
Humanpapilloma virus (5, 9, 49)	2	Cấp II	
<i>Paramyxoviridae</i>			
<i>Avulavirus</i>			
Newcastledisease virus	2	Cấp II	Cấp III: Thí nghiệm trên động vật
<i>Henipavirus</i>			
Hendra virus	4	Cấp IV	
Nipah virus	3	Cấp III	
<i>Metapneumovirus</i>			
Human metapneumovirus (hMPV)	2	Cấp II	
<i>Morbillivirus</i>			
Measles virus	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Pneumovirus</i>			
Respiratory syncytial virus (RSV)	2	Cấp II	
<i>Respirovirus</i>			
Humanparainfluenza virus 1, 3	2	Cấp II	
Sendaivirus	2	Cấp II	Cấp III: Thí nghiệm trên động vật
<i>Rubulavirus</i>			
Human parainfluenza virus 2, 4	2	Cấp II	
Mumps virus	2	Cấp II	
<i>Parvoviridae</i>			
<i>Dependovirus</i>			
Adeno-associated virus 1, 2, 3, 4, 5	2	Cấp II	
<i>Erythrovirus</i>			
Humanparvovirus B19	2	Cấp II	
<i>Picornaviridae</i>			
<i>Caridiovirus</i>			
Encephalomyocarditis virus	2	Cấp II	
<i>Enterovirus</i>			
Human enterovirus A, B, C, D	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
Poliovirus (thuộc Human enterovirus C)	2	Cấp II	Cấp III: Bảo quản, thử nghiệm các chủng hoang dại
<i>Hepatovirus</i>			
Hepatitis A virus	2	Cấp II	Cấp III: Phân tích với số lượng mẫu lớn, dễ tạo khí dung
<i>Parechovirus</i>			
Humanparechovirus	2	Cấp II	
<i>Rhinovirus</i>			
Human rhinovirus A	2	Cấp II	
Human rhinovirus B	2	Cấp II	
<i>Polyomaviridae</i>			
<i>Polyomavirus</i>			
BK polyomavirus	2	Cấp II	
JC polyomavirus	2	Cấp II	
Simian virus 40 (SV40)	2	Cấp II	
<i>Poxviridae</i>			
<i>Molluscipoxvirus</i>			
Molluscum contagiosum virus	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Orthopoxvirus</i>			
Cowpox virus	2	Cấp II	
Monkeypox virus	2	Cấp II	Cấp III: Thí nghiệm trên động vật
Vaccinia virus	2	Cấp II	
Variola virus	4	Cấp IV	
<i>Yatapoxvirus</i>			
Tanapox virus	2	Cấp II	
Yaba monkey tumor virus	2	Cấp II	
Prion			
Mammalian prions (thuộc spongiform Encephalopathies)	2	Cấp II	
Bovine spongiform encephalopathy (BSE)	2	Cấp II	Cấp III: Thí nghiệm trên động vật
Creutzfeldt-Jakob disease (CJD)	2	Cấp II	Cấp III: Thí nghiệm trên động vật
<i>Reoviridae</i>			
<i>Coltivirus</i>			
Colorado tick fever virus	3	Cấp III	
<i>Rotavirus</i>			
Rotavirus A, B, C, D, E	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Retroviridae</i>			
<i>Deltaretrovirus</i>			
Primate T-lymphotropic virus 1 (Human T-lymhpotropic virus 1)	2	Cấp II	
Primate T-lymphotropic virus 2 (Human T-lymhpotropic virus 2)	2	Cấp II	
<i>Lentivirus</i>			
Human immunodeficiency virus 1	3	Cấp II	Cấp III: Nuôi cấy, phân lập, thí nghiệm trên động vật
Human immunodeficiency virus 2	3	Cấp II	Cấp III: Nuôi cấy, phân lập, thí nghiệm trên động vật
Simian immunodeficiency virus	2	Cấp II	Cấp III: Nuôi cấy, phân lập, thí nghiệm trên động vật
<i>Rhabdoviridae</i>			
<i>Lyssavirus</i>			
Lyssavirus	3	Cấp III	
Rabies virus	3	Cấp II: Mô động vật để lấy bệnh phẩm và làm tiêu	Cấp III: Tất cả các kỹ thuật xét nghiệm bệnh

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
		bản, xét nghiệm trên vi rút đã bất hoạt, sử dụng vi rút giảm độc lực với các kỹ thuật không tạo khí dung	phẩm nghi ngờ chứa vi rút sống, chủng hoang dại; trung hòa vi rút trên tế bào; xét nghiệm có tạo khí dung; nuôi cấy số lượng lớn vi rút giảm độc lực
<i>Vesiculovirus</i>			
Vesicular stomatitis Alagoas virus	2	Cấp II	
Vesicular stomatitis Indiana virus	2	Cấp II	
<i>Togaviridae</i>			
<i>Alphavirus</i>			
Bebaru virus	2	Cấp II	
Chikungunya virus	3	Cấp II	Cấp III: Phân tích với số lượng mẫu lớn, dễ tạo hạt khí dung
Eastern equine encephalitis virus	3	Cấp II	Cấp III: Phân tích với số lượng mẫu lớn, dễ tạo hạt khí dung
Getah virus	3	Cấp III	
Mayaro virus	3	Cấp III	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
O'nyong-nyong virus	2	Cấp II	Cấp III: Phân tích với số lượng mẫu lớn, dễ tạo hạt khí dung
Semliki Forest virus	3	Cấp III	
Sindbis virus	2	Cấp II	
Venezuelan equine encephalitis virus	3	Cấp II	Cấp III: Nuôi cấy, phân lập
Western equine encephalitis virus	3	Cấp II	Cấp III: Phân tích với số lượng mẫu lớn, dễ tạo khí dung
<i>Rubivirus</i>			
Rubella virus	2	Cấp II	
Unassigned			
<i>Deltavirus</i>			
Hepatitis D virus (vi rút viêm gan D)	2	Cấp II	Cấp III: Phân tích với số lượng mẫu lớn, dễ tạo khí dung
B. VI KHUẨN NỘI BÀO BẮT BUỘC			
<i>Anaplasmataceae</i>			
<i>Ehrlichia</i>			
<i>Ehrlichia canis</i>	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Ehrlichia chaffeensis</i>	3	Cấp III	
<i>Ehrlichia sennetsu</i>	3	Cấp III	
<i>Chlamydiaceae</i>			
<i>Chlamydia</i>			
<i>Chlamydia pecorum</i>	2	Cấp II	
<i>Chlamydia pneumoniae</i>	2	Cấp II	
<i>Chlamydia psittaci</i> (Trừ <i>C.psittaci</i> ở gia cầm)	2	Cấp II	
<i>Chlamydia trachomatis</i>	2	Cấp II	
<i>Coxiellaceae</i>			
<i>Coxiella</i>			
<i>Coxiella burnetii</i>	3	Cấp III	
<i>Rickettisaceae</i>			
<i>Orientia</i>			
<i>Orientia tsutsugamushi</i>	3	Cấp III	
<i>Rickettisa</i>			
Nhóm typhus	3	Cấp III	
Nhóm Spotted fever	3	Cấp III	
<i>Simkaniaceae</i>			
<i>Simkania</i>			
<i>Simkania negevensis</i>	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
C. VI KHUẨN			
<i>Abiotrophia</i>			
<i>Abiotrophia</i> spp.	2	Cấp II	
<i>Acidovorax</i>			
<i>Acidovorax</i> spp.	2	Cấp II	
<i>Acinetobacter</i>			
<i>Acinetobacter</i> spp.	2	Cấp II	
<i>Actinobacillus</i>			
<i>Actinobacillus</i> spp.	2	Cấp II	
<i>Actinomadura</i>			
<i>Actinomadura madurae</i>	2	Cấp II	
<i>Actinomadura pelletieri</i>	2	Cấp II	
<i>Actinomyces</i>			
<i>Actinomyces bovis</i>	2	Cấp II	
<i>Actinomyces israelii</i>	2	Cấp II	
<i>Actinomyces pyogenes</i>	2	Cấp II	
<i>Actinomyces viscosus</i>	2	Cấp II	
<i>Aeromonas</i>			
<i>Aeromonas hydrophilia</i>	2	Cấp II	
<i>Aeromonas sobria</i>	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Afipia</i>			
<i>Afipia</i> spp.	2	Cấp II	
<i>Agrobacterium</i>			
<i>Agrobacterium radiobacter</i>	1	Cấp I	
<i>Arcanobacterium</i>			
<i>Arcanobacterium haemolyticum</i>	2	Cấp II	
<i>Bacillus</i>			
<i>Bacillus anthracis</i>	3	Cấp II: Sinh học phân tử, nhuộm soi vi khuẩn đã bất hoạt (có thể thực hiện kỹ thuật PCR trực tiếp từ vẩy da của bệnh nhân than thể da)	Cấp III: Xử lý mẫu bệnh phẩm, phân lập, xét nghiệm với vi khuẩn chưa bất hoạt
<i>Bacillus cereus</i>	2	Cấp II	
<i>Bacillus subtilis</i>	1	Cấp I	
<i>Bacillus thuringiensis</i>	1	Cấp I	
<i>Bacteroides</i>			
<i>Bacteroides fragilis</i>	2	Cấp II	
<i>Bartonella</i>			
<i>Bartonella bacilliformis</i>	2	Cấp II	
<i>Bartonella clarridgeiae</i>	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Bartonella elizabethae</i>	2	Cấp II	
<i>Bartonella henselae</i>	2	Cấp II	
<i>Bartonella quintana</i>	2	Cấp II	
<i>Bartonella vinsonii</i>	2	Cấp II	
<i>Bartonella weisii</i>	2	Cấp II	
<i>Bordetella</i>			
<i>Bordetella bronchiseptica</i>	2	Cấp II	
<i>Bordetella ovis</i>	2	Cấp II	
<i>Bordetella parapertussis</i>	2	Cấp II	
<i>Bordetella pertussis</i>	2	Cấp II	
<i>Borrelia</i>			
<i>Borrelia</i> spp.	2	Cấp II	
<i>Brucella</i>			
<i>Brucella</i> spp.	3	Cấp II	Cấp III: Nuôi cấy, tăng sinh
<i>Burkholderia</i>			
<i>Burkholderia cepacia</i>	2	Cấp II	
<i>Burkholderia mallei</i>	3	Cấp III	
<i>Burkholderia pseudomallei</i>	3	Cấp III	
<i>Calymmatobacterium</i>			
<i>Calymmatobacterium granulomatis</i>	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Campylobacter</i>			
<i>Campylobacter coli</i>	2	Cấp II	
<i>Campylobacter fetus</i>	2	Cấp II	
<i>Campylobacter jejuni</i>	2	Cấp II	
<i>Capnocytophaga</i>			
<i>Capnocytophaga canimorsus</i>	2	Cấp II	
<i>Chryseobacterium</i>			
<i>Chryseobacterium meningosepticum</i>	2	Cấp II	
<i>Chryseomonas</i>	2	Cấp I	
<i>Chryseomonas luteola</i>			
<i>Chlamydia</i>			
<i>Chlamydia</i> spp. (ngoại trừ chủng nhiễm trên gia cầm <i>C.psittaci</i>)	2	Cấp II	
<i>Chromobacterium</i>			
<i>Chromobacterium violacerum</i>	2	Cấp I	
<i>Citrobacter</i>			
<i>Citrobacter freundii</i>	2	Cấp II	
<i>Citrobacter koseri</i>			
<i>Clostridium</i>			
<i>Clostridium</i> spp. (ngoại trừ những sinh vật không gây bệnh)	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Comamonas</i>	2	Cấp I	
<i>Comamonas testosteroni</i>			
<i>Corynebacterium</i>			
<i>Corynebacterium diphtheria</i>	2	Cấp II	
<i>Corynebacterium jeikeium</i>	2	Cấp II	
<i>Corynebacterium pseudodiphtheriticum</i>	2	Cấp II	
<i>Corynebacterium pseudotuberculosis</i>	2	Cấp II	
<i>Corynebacterium renale</i>	2	Cấp II	
<i>Corynebacterium ulcerans</i>	2	Cấp II	
<i>Coxiella</i>			
<i>Coxiella burnetii</i>	3	Cấp III	
<i>Dermatophilus</i>			
<i>Dermatophilus congolensis</i>	2	Cấp II	
<i>Edwardsiella</i>			
<i>Edwardsiella tarda</i>	2	Cấp II	
<i>Eikenella</i>			
<i>Eikenella corrodens</i>	2	Cấp II	
<i>Enterobacter</i>			
<i>Enterobacter aerogenes</i>	2	Cấp II	
<i>Enterobacter cloacae</i>	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Enterobacter amnigenus</i>	2	Cấp II	
<i>Enterococcus</i>			
<i>Enterococcus faecalis</i>	2	Cấp II	
<i>Enterococcus faecium</i>	2	Cấp II	
<i>Erysipelothrix</i>			
<i>Erysipelothrix rhusiopathiae</i>	2	Cấp II	
<i>Escherichia</i>			
<i>Escherichia coli</i> chủng K12	1	Cấp I	
<i>Escherichia coli</i> (trừ chủng K12, O157: H7, O103)	2	Cấp II	
<i>Escherichia coli</i> O157:H7	3	Cấp II	Cấp III: Phân tích với số lượng mẫu lớn, để tạo khí dung
<i>Escherichia coli</i> O103	3	Cấp III	
<i>Francisella</i>			
<i>Francisella novocida</i>	2	Cấp II	
<i>Francisella tularensis</i>	3	Cấp II	
<i>Fusobacterium</i>			
<i>Fusobacterium necrophorum</i>	2	Cấp II	
<i>Gardnerella</i>			
<i>Gardnerella vaginalis</i>	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Gordonia</i>			
<i>Gordonia</i> spp.	2	Cấp II	
<i>Haemophilus</i>			
<i>Haemophilus actinomycetemcomitans</i>	2	Cấp II	
<i>Haemophilus aegyptius</i>	2	Cấp II	
<i>Haemophilus ducreyi</i>	2	Cấp II	
<i>Haemophilus influenzae</i>	2	Cấp II	
<i>Helicobacter</i>			
<i>Helicobacter pylori</i>	2	Cấp II	
<i>Kingella</i>			
<i>Kingella kingae</i>	2	Cấp II	
<i>Klebsiella</i>			
<i>Klebsiella oxytoca</i>	2	Cấp II	
<i>Klebsiella pneumoniae</i>	2	Cấp II	
<i>Lactobacillus</i>			
<i>Lactobacillus acidophilus</i>	1	Cấp I	
<i>Legionella</i>			
<i>Legionella</i> spp.	2	Cấp II	
<i>Leptospira</i>			

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Leptospira</i> spp.	2	Cấp II	
<i>Listeria</i>			
<i>Listeria monocytogenes</i>	2	Cấp II	
<i>Micrococcus</i>			
<i>Micrococcus leuteus</i>	1	Cấp I	
<i>Moraxella</i>			
<i>Moraxella catarrhalis</i>	2	Cấp II	
<i>Mycobacterium</i>			
<i>Mycobacterium asiaticum</i>	2	Cấp II	
<i>Mycobacterium avium</i>	2	Cấp II	
<i>Mycobacterium chelonae</i>	2	Cấp II	
<i>Mycobacterium fortuitum</i>	2	Cấp II	
<i>Mycobacterium intracellulare</i>	2	Cấp II	
<i>Mycobacterium kansasii</i>	2	Cấp II	
<i>Mycobacterium malmoense</i>	2	Cấp II	
<i>Mycobacterium marinum</i>	2	Cấp II	
<i>Mycobacterium paratuberculosis</i>	2	Cấp II	
<i>Mycobacterium scrofulaceum</i>	2	Cấp II	
<i>Mycobacterium simiae</i>	2	Cấp II	
<i>Mycobacterium szulgai</i>	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Mycobacterium africanum</i>	3	Cấp II: Nhuộm soi, xử lý bệnh phẩm Xpert (có thể làm tại bàn xét nghiệm) Cấp II, bổ sung thông khí cơ học đảm bảo số lần trao đổi khí của PXN 6 - 12 lần/giờ: Nuôi cấy, định danh Cấp II, bổ sung thông khí cơ học đảm bảo số lần trao đổi khí của PXN ít nhất 10 lần/giờ, lọc khí thải bằng bộ lọc hiệu suất cao, nồi hấp tiệt trùng chất thải trong PXN: Kháng sinh đồ, lai với mẫu dò (LPA), định danh từ chủng	
<i>Mycobacterium bovis</i> (Trừ BCG)			
<i>Mycobacterium tuberculosis</i>			
<i>Mycobacterium xenopi</i>	2	Cấp II	
<i>Mycoplasma</i>			
<i>Mycoplasma fermentans</i>	2	Cấp II	
<i>Mycoplasma hominis</i>	2	Cấp II	
<i>Mycoplasma pneumoniae</i>	2	Cấp II	
<i>Neisseria</i>			

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Neisseria gonorrhoeae</i>	2	Cấp II	
<i>Neisseria meningitidis</i>	2	Cấp II	
<i>Neurospora</i>			
<i>Neurosporacrassa</i>	1	Cấp I	
<i>Nocardia</i>			
<i>Nocardia spp.</i>	2	Cấp II	
<i>Oligella</i>			
<i>Oligella spp.</i>	2	Cấp II	
<i>Pasteurella</i>			
<i>Pasteurella multocida</i> (trừ type huyết thanh chỉ gây bệnh ở động vật)	2	Cấp II	
<i>Pasteurella pneumotropica</i>	2	Cấp II	
<i>Pasteurella ureae</i>	2	Cấp II	
<i>Plesiomonas</i>			
<i>Plesiomonas shigelloides</i> (trực khuẩn mủ xanh)	2	Cấp II	
<i>Proteus</i>			
<i>Proteus mirabilis</i>	2	Cấp II	
<i>Proteus penneri</i>	2	Cấp II	
<i>Proteus vulgaris</i>	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Pseudomonas</i>			
<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	2	Cấp II	
<i>Pseudomonas fluorescens</i>	2	Cấp I	
<i>Pseudomonas putida</i>	2	Cấp I	
<i>Rahnella</i>			
<i>Rahnella aquatilis</i>	2	Cấp I	
<i>Rhodococcus</i>			
<i>Rhodococcus equi</i>	2	Cấp II	
<i>Salmonella</i>			
<i>Salmonella choleraesuis</i>	2	Cấp II	
<i>Salmonella enterica</i>	3	Cấp III	
<i>Salmonella enteritidis</i>	2	Cấp II	
<i>Salmonella serovars</i>	2	Cấp II	
<i>Salmonella serovar paratyphi A</i>	3	Cấp III	
<i>Salmonella serovar typhi</i>	3	Cấp III	
<i>Salmonella typhi</i>	2	Cấp II	Cấp III: Phân tích số lượng mẫu lớn, để tạo khí dung
<i>Serratia</i>			
<i>Serratia marcescens</i>	2	Cấp II	
<i>Serratia ficaria</i>			

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Serratia liquefaciens</i> <i>Serratia plymuthica</i> <i>Serratia rubidaea</i>			
<i>Shigella</i>			
<i>Shigella</i> spp. (trừ <i>Shigella dysenteriae</i> - Type 1)	2	Cấp II	
<i>Sphaerophorus</i>			
<i>Sphaerophorus necrophorus</i>	2	Cấp II	
<i>Staphylococcus</i>			
<i>Staphylococcus aureus</i>	2	Cấp II	
<i>Stenotrophomonas</i> <i>Stenotrophomonas maltophilia</i>	2	Cấp II	
<i>Streptobacillus</i>			
<i>Streptobacillus moniliformis</i>	2	Cấp II	
<i>Streptococcus</i>			
<i>Streptococcus</i> spp.	2	Cấp II	
<i>Tatlockia</i>			
<i>Tatlockia micdadei</i>	2	Cấp II	
<i>Treponema</i>			
<i>Treponema carateum</i>	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Treponema pallidum</i>	2	Cấp II	
<i>Treponema pertenue</i>	2	Cấp II	
<i>Ureaplasma</i>			
<i>Ureaplasma urealyticum</i>	2	Cấp II	
<i>Vibrio</i>			
<i>Vibrio cholerae</i>	2	Cấp II	
<i>Vibrio fluvialis</i>	2	Cấp II	
<i>Vibrio mimicus</i>	2	Cấp II	
<i>Vibrio parahaemolyticus</i>	2	Cấp II	
<i>Vibrio vulnificus</i>	2	Cấp II	
<i>Yersinia</i>			
<i>Yersinia enterocolitica</i>	2	Cấp II	
<i>Yersinia pestis</i>	3	Cấp II	Cấp III: Phân tích các chủng kháng thuốc
<i>Yersinia pseudotuberculosis</i>	2	Cấp II	
D. NẤM			
<i>Aspergillus</i>			
<i>Aspergillus niger</i>	1	Cấp I	Cấp II: Làm xét nghiệm với độc tố của <i>Aspergillus</i> spp.

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Aspergillus fumigatus</i>	2	Cấp II	
<i>Blastomyces</i>			
<i>Blastomyces dermatitidis</i>	3	Cấp II	Cấp III: Phân tích số lượng mẫu lớn, để tạo khí dung
<i>Candida</i>			
<i>Candida albicans</i>	2	Cấp II	
<i>Candida glabrata</i>			
<i>Candida parapsilosis</i>	2	Cấp II	
<i>Candida tropicalis</i>	2	Cấp II	
<i>Cladosporium</i>			
<i>Cladosporium carrionii</i>	2	Cấp II	
<i>Cladosporium trichoides</i> (<i>C. bantianum</i>)	2	Cấp II	
<i>Coccidioides</i>			
<i>Coccidioides brasiliensis</i>	2	Cấp II	
<i>Coccidioides immitis</i>	3	Cấp II	Cấp III: Nuôi cấy, phân tích mẫu đất, môi trường nhiễm nấm
<i>Coccidioides posadasii</i>	3	Cấp III	
<i>Cryptococcus</i>			

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Cryptococcus neoformans</i>	2	Cấp II	
<i>Epidermophy</i>			
<i>Epidermophy floccosum</i>	2	Cấp II	
<i>Exophiala</i>			
<i>Exophiala dermatitidis</i>	2	Cấp II	
<i>Fusarium</i>			
<i>Fusarium moniliforme</i>	2	Cấp II	
<i>Histoplasma</i>			
<i>Histoplasma capsulatum</i> (gồm biến thể)	3	Cấp II	Cấp III: Nuôi cấy, phân tích mẫu đất, môi trường nhiễm nấm
<i>Histoplasma duboisii</i>	3	Cấp III	
<i>Leptosphaeria</i>			
<i>Leptosphaeria senegalensis</i>	2	Cấp II	
<i>Madurella</i>			
<i>Madurella grisea</i>	2	Cấp II	
<i>Madurella mycetomatis</i>	2	Cấp II	
<i>Microsporium</i>			
<i>Microsporium spp.</i>	2	Cấp II	
<i>Neotestudina</i>			

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Neotestudina rosatii</i>	2	Cấp II	
<i>Paracoccidioides</i>			
<i>Paracoccidioides brasiliensis</i>	2	Cấp II	
<i>Penicillium</i>			
<i>Penicillium marneffeii</i>	2	Cấp II	
<i>Pseudallescheria</i>			
<i>Pseudallescheria boydii</i>	2	Cấp II	
<i>Rhinosporidium seeberi</i>	2	Cấp II	
<i>Scedosporium</i>			
<i>Scedosporium apiospermum</i>	2	Cấp II	
<i>Scedosporium prolificans</i>	2	Cấp II	
<i>Sporothrix</i>			
<i>Sporothrix schenckii</i>	2	Cấp II	
<i>Trichophyton</i>			
<i>Trichophyton spp.</i>	2	Cấp II	
<i>Trichosporon</i>			
<i>Trichosporon asahii</i>	2	Cấp II	
<i>Trichosporon asteroides</i>	2	Cấp II	
<i>Trichosporon beigeli</i>	2	Cấp II	
<i>Trichosporon cutaneum</i>	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Trichosporon inkin</i>	2	Cấp II	
<i>Trichosporon mucoides</i>	2	Cấp II	
<i>Trichosporon ovoides</i>	2	Cấp II	
Bao gồm những loại không thuộc cấp 2 và 3	1	Cấp I	
E. KÝ SINH TRÙNG			
<i>Acanthamoeba</i>			
<i>Acanthamoeba astronyxis</i>	2	Cấp II	
<i>Acanthamoeba castellanii</i>	2	Cấp II	
<i>Acanthamoeba divionensis</i>	2	Cấp II	
<i>Acanthamoeba culbertsoni</i>	2	Cấp II	
<i>Acanthamoeba hatchetti</i>	2	Cấp II	
<i>Acanthamoeba healyi</i>	2	Cấp II	
<i>Acanthamoeba polyphaga</i>	2	Cấp II	
<i>Acanthamoeba rhyodes</i>	2	Cấp II	
<i>Ancylostoma</i>			
<i>Ancylostoma duodenale</i>	2	Cấp II	
<i>Angiostrongylus</i>			
<i>Angiostrongylus cantonensis</i>	2	Cấp II	
<i>Anisakis</i>			

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Anisakis simplex</i>	2	Cấp II	
<i>Ascaris</i>			
<i>Ascaris lumbricoides</i>	2	Cấp II	
<i>Babesia</i>			
<i>Babesia bovis</i>	2	Cấp II	
<i>Babesia divergens</i>	2	Cấp II	
<i>Babesia microti (WA1, CA1, MO1)</i>	2	Cấp II	
<i>Balamuthia</i>			
<i>Balamuthia mandrillaris</i>	2	Cấp II	
<i>Balantidium</i>			
<i>Balantidium coli</i>	2	Cấp II	
<i>Blastocystis</i>			
<i>Blastocystis hominis</i>	2	Cấp II	
<i>Brugia</i>			
<i>Brugia malayi</i>	2	Cấp II	
<i>Brugia timori</i>	2	Cấp II	
<i>Cryptosporidium</i>			
<i>Cryptosporidium parvum</i>	2	Cấp II	
<i>Cyclospora</i>			
<i>Cyclospora cayetanensis</i>	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Dientamoeba</i>			
<i>Dientamoeba fragilis</i>	2	Cấp II	
<i>Diphyllobothrium</i>			
<i>Diphyllobothrium latum</i>	2	Cấp II	
<i>Dracunculus</i>			
<i>Dracunculus medinensis</i>	2	Cấp II	
<i>Encephalitozoon</i>			
<i>Encephalitozoon</i> . spp	2	Cấp II	
<i>Echinococcus</i>			
<i>Echinococcus</i> . spp (trứng, hydatid sand, protoscolex)	2	Cấp II	
<i>Entamoeba</i>			
<i>Entamoeba histolytical</i>	2	Cấp II	
<i>Enterobius</i>			
<i>Enterobius vermicularis</i>	2	Cấp II	
<i>Enterocytozoon</i>			
<i>Enterocytozoon bienewisi</i>	2	Cấp II	
<i>Giardia</i>			
<i>Giardia lamblia</i>	2	Cấp II	
<i>Gnathostoma</i>			

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Gnathostoma spinigerum</i>	2	Cấp II	
<i>Hymenolepis</i>			
<i>Hymenolepis nana</i>	2	Cấp II	
<i>Leishmania</i>			
<i>Leishmania spp.</i>	2	Cấp II	
<i>Loa</i>			
<i>Loa loa</i>	2	Cấp II	
<i>Mansonella</i>			
<i>Mansonella ozzardi</i>	2	Cấp II	
<i>Mansonella perstans</i>	2	Cấp II	
<i>Mansonella streptocerca</i>	2	Cấp II	
<i>Microsporidium</i>			
<i>Microsporidium africanum</i>	2	Cấp II	
<i>Microsporidium ceylonensis</i>	2	Cấp II	
<i>Naegleria</i>			
<i>Naegleria fowleri</i>	2	Cấp II	
<i>Necator</i>			
<i>Necator americanus</i>	2	Cấp II	
<i>Onchocerca</i>			
<i>Onchocerca volvulus</i>	2	Cấp II	

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Paragonimus</i>			
<i>Paragonimus spp</i>	2	Cấp II	
<i>Plasmodium</i>			
<i>Plasmodium falciparum</i>	2	Cấp II	
<i>Plasmodium malariae</i>	2	Cấp II	
<i>Plasmodium ovale</i>	2	Cấp II	
<i>Plasmodium vivax</i>	2	Cấp II	
<i>Sarcocystis</i>			
<i>Sarcocystis hominis</i>	2	Cấp II	
<i>Sarcocystis suihominis</i>	2	Cấp II	
<i>Schistosoma</i>			
<i>Schistosoma spp</i>	2	Cấp II	
<i>Strongyloides</i>			
<i>Strongyloides stercoralis</i>	2	Cấp II	
<i>Taenia</i>			
<i>Taenia saginata</i>	2	Cấp II	
<i>Taenia solium</i>	2	Cấp II	
<i>Taxoplasma</i>			
<i>Taxoplasma gondii</i>	2	Cấp II	
<i>Toxocara</i>			

Tên vi sinh vật	Nhóm nguy cơ	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm	
		Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm chung	Cấp độ an toàn sinh học phù hợp kỹ thuật xét nghiệm khác
<i>Toxocara canis</i>	2	Cấp II	
<i>Trichinella</i>			
<i>Trichinella spiralis</i>	2	Cấp II	
<i>Trichomonas</i>			
<i>Trichomonas vaginalis</i>	2	Cấp II	
<i>Trichuris</i>			
<i>Trichuris trichiura</i>	2	Cấp II	
<i>Trypanosoma</i>			
<i>Trypanosoma brucei gambiense</i>	2	Cấp II	
<i>Trypanosoma brucei rhodesiense</i>			
<i>Trypanosoma cruzi</i>	2	Cấp II	
<i>Trypanosoma evansi</i>	2	Cấp II	
<i>Trypanosoma rangeli</i>	2	Cấp II	
<i>Wuchereria</i>			
<i>Wuchereria bancrofti</i>	2	Cấp II	
Các loài khác			
Động vật nguyên sinh ký sinh ở người	2	Cấp II	
Động vật nguyên sinh, sán lá gan, sán dây, giun tròn không thuộc nhóm 2	1	Cấp I	

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080.44946 – 080.44417

Fax: 080.44517

Email: congbao@chinhphu.vn

Website: <http://congbao.chinhphu.vn>

In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng